|  |  |
| --- | --- |
| **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**  **-------** | ***Biểu mẫu 01B/ĐG-KSTT*** |

**BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC QUY ĐỊNH CHI TIẾT**

**Tên dự thảo: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều** **của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 12: Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**  *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)* | | | | * Điều 65 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam; * Điều 18 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019//NĐ-CP ngày 15/1/2019. | | | |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA TỪNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC QUY ĐỊNH CHI TIẾT** | | | | | | | |
| 1. **Tên thủ tục hành chính** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………………...……………………………………… | | | |
| b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...……………………………………………… | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| d) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | | | | Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do quy định: Thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện  - Căn cứ quy định:  + Được quy định mới tại dự án, dự thảo  + Đã được quy định tại văn bản khác   * Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:   - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………………………………..… | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | | | | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng | | | | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do:………………………………………………………………………………..…  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước,  cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | | | | |
| a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;  b) Tài liệu giải trình của doanh nghiệp về việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này. | | | | - Lý do quy định: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản chính văn bản xác nhận vốn” trong hồ sơ; đồng thời cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.  - Yêu cầu, quy cách:  + Đơn đề nghị cấp giấy phép – theo mẫu;  + Mô tả sơ đồ bộ máy tổ chức của doanh nghiệp;  + Tài liệu chứng minh về bộ máy tổ chức, đội ngũ nhân viên được cấp chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu chuyên môn khai thác tại cảng hàng không, sân bay;  + Đáp ứng điều kiện về vốn theo quy định của Chính phủ. | | | |
| Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...............……………………………………… | | | |
| Số lượng bộ hồ sơ: 01 | | | | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* ………………………………………………… | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có  Không  Nếu Không, nêu rõ lý do:…………………………...................................................................................................  - Thời hạn: 12 ngày  *(Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết)*  Nêu rõ lý do: | | | | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có  Không  Nếu Không, nêu rõ lý do:…………………………..................................................................................................  - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không | | | | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | | | | |
| a) Đối tượng thực hiện:  - Tổ chức, cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ:  b) Phạm vi áp dụng:  - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  Biên giới, hải đảo  c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 04 | | | | | | - Lý do quy định:  + Về đối tượng: Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay  + Về phạm vi: Toàn quốc  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có  Không  Nêu rõ lý do: Đây là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện và đó là ngành kinh tế-kỹ thuật đặc thù. | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không?  - Phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: …………………………………  - Lệ phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: Phù hợp với việc quản lý và thực hiện các công tác khác liên quan (có kiểm tra thực tế) | | | | | | | - Mức phí, lệ phí:  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):  Cấp lần đầu:  Cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không quốc tế: 50.000.000đ  Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không khác: 30.000.000đ  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):  + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có  Không  Lý do: Phù hợp với việc quản lý và thực hiện các công tác khác liên quan (có kiểm tra thực tế)  - Mức phí, lệ phí được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản khác  (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: Biểu mức phí, lệ phí ban hành kèm Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính  (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: ………………….……………………… |
| b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không  Có  Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại:  - Dự thảo  - Văn bản khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: …….… | | | | | | | - Nội dung chi trả:  - Mức chi trả:  Mức chi trả này có phù hợp không: Có  Không  Lý do: ………………………………….……………………………………… |
| c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: Như mục 8 nêu trên | | | | | | | Mức chi phí này có phù hợp không: Có  Không  Lý do: Phù hợp với việc quản lý và thực hiện các công tác khác liên quan (có kiểm tra thực tế) |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | | | | |
| TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | | | | | | Có  Không  - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn  Tờ khai  - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………………………………………. | |
| Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép  Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do: ……………………………………………  - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không?  Có  Không  Nêu rõ lý do: | | | | | | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  - Nội dung nhóm thông tin 1: người đề nghị  Lý do quy định: xác định chủ thể đề nghị  - Nội dung thông tin 2: Các thông tin về doanh nghiệp (tên, mã số, địa chỉ, thông tin người đại diện theo pháp luật, loại hình kinh doanh)  Lý do quy định: xác định các thông tin chung về tình hình của doanh nghiệp.  - Nội dung thông tin 3: Nội dung đề nghị  Lý do quy định: xác định rõ nội dung đề nghị cấp | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | | | | |
| TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không? | | | | | | Không  Có | |
| a) Yêu cầu, điều kiện:  Lý do quy định: Đảm bảo việc quản lý kịp thời, hiệu quả và đúng quy định | | | | | - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một TTHC khác  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước  - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện:  + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính)  Nêu rõ:……………………………………………………………………………………  + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế  Nêu rõ:………………………………………….………………………………………  + Hạn chế một số đối tượng  Nêu rõ: ………………………………………………………………………………..  + Khác  Nêu rõ:  - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản QPPL khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:  Nghị định [92/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-68-2015-nd-cp-quy-dinh-dang-ky-quoc-tich-va-dang-ky-cac-quyen-doi-voi-tau-bay-287158.aspx) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng | | |
| **11. Kết quả** | | | | | | | |
| - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: | | | - Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có  Không  + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể:…….… tháng/ năm.  + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: đã có quy định về điều kiện để duy trì hiệu lực của giấy phép.  - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc  Địa phương  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có  Không  Lý do: Các tiêu chí về điều kiện kinh doanh phải duy trì và đáp ứng.  - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có  Không  Lý do: | | | | |
| **12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?** | | | | | | | |
| a) Với văn bản của cơ quan cấp trên | | - Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …………. | | | | | |
| b) Với văn bản của cơ quan khác | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………... | | | | | |
| c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………... | | | | | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 13: Thủ tục cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**  *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)* | | | | * Điều 65 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam; * Điều 19 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019//NĐ-CP ngày 15/1/2019. | | | |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA TỪNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC QUY ĐỊNH CHI TIẾT** | | | | | | | |
| 1. **Tên thủ tục hành chính** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………………...……………………………………… | | | |
| b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...……………………………………………… | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| d) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | | | | Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do quy định: Thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện  - Căn cứ quy định:  + Được quy định mới tại dự án, dự thảo  + Đã được quy định tại văn bản khác   * Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:   - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………………………………..… | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | | | | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng | | | | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do:………………………………………………………………………………..…  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước,  cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | | | | |
| 1. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; 2. Bản sao các tài liệu có liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy phép (nếu có). | | | | * Lý do quy định: Thay đổi thành phần hồ sơ chuyển thành bản sao phù hợp cung cấp dịch vụ công mức 4. Theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 02/2017/TT-VPCP thì các TTHC có thành phần hồ sơ sau thì không phù hợp cung cấp mức dvc mức 3,4: “- Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải kiểm tra, đối chiếu trực tiếp; - Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu bản chính do cơ quan, đơn vị thứ 3 cấp.” Do đó để triển khai cung cấp DVC mức 4 thì các TPHS trên phải chuyển thành bản sao và thực hiện hậu kiểm (theo ý kiến góp ý của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số số 1960/PB-VPCP ngày 11/10/2021).   - Yêu cầu, quy cách:  + Đơn đề nghị cấp giấy phép – theo mẫu;  + Bản sao các tài liệu có liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy phép (nếu có). | | | |
| Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...............……………………………………… | | | |
| Số lượng bộ hồ sơ: 01 | | | | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* ………………………………………………… | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có  Không  Nếu Không, nêu rõ lý do:…………………………...................................................................................................  - Thời hạn:  + Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: 05 ngày làm việc;  + Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng: 03 ngày làm việc.  *(Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết)*  Nêu rõ lý do: | | | | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có  Không  Nếu Không, nêu rõ lý do:…………………………..................................................................................................  - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không | | | | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | | | | |
| a) Đối tượng thực hiện:  - Tổ chức, cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ:  b) Phạm vi áp dụng:  - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  Biên giới, hải đảo  c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 04 | | | | | | - Lý do quy định:  + Về đối tượng: Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay  + Về phạm vi: Toàn quốc  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có  Không  Nêu rõ lý do: Đây là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện và đó là ngành kinh tế-kỹ thuật đặc thù. | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không?  - Phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: …………………………………  - Lệ phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: Phù hợp với việc quản lý và thực hiện các công tác khác liên quan (có kiểm tra thực tế) | | | | | | | - Mức phí, lệ phí:  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):  Cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không quốc tế:  + Cấp lại do thay đổi nội dung: 30.000.000đ  + Cấp lại do mất, rách, hỏng: 5.000.000đ  - Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không khác:  + Cấp lại do thay đổi nội dung: 20.000.000đ  + Cấp lại do mất, rách, hỏng: 5.000.000đ  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):  + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có  Không  Lý do: Phù hợp với việc quản lý và thực hiện các công tác khác liên quan (có kiểm tra thực tế)  - Mức phí, lệ phí được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản khác  (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: Biểu mức phí, lệ phí ban hành kèm Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính  (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: ………………….……………………… |
| b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không  Có  Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại:  - Dự thảo  - Văn bản khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: …….… | | | | | | | - Nội dung chi trả:  - Mức chi trả:  Mức chi trả này có phù hợp không: Có  Không  Lý do: ………………………………….……………………………………… |
| c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: Như mục 8 nêu trên | | | | | | | Mức chi phí này có phù hợp không: Có  Không  Lý do: Phù hợp với việc quản lý và thực hiện các công tác khác liên quan (có kiểm tra thực tế) |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | | | | |
| TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | | | | | | Có  Không  - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn  Tờ khai  - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………………………………………. | |
| Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép  Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do: ……………………………………………  - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không?  Có  Không  Nêu rõ lý do: | | | | | | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  - Nội dung nhóm thông tin 1: người đề nghị  Lý do quy định: xác định chủ thể đề nghị  - Nội dung thông tin 2: Các thông tin về doanh nghiệp (tên, mã số, địa chỉ, thông tin người đại diện theo pháp luật, loại hình kinh doanh)  Lý do quy định: xác định các thông tin chung về tình hình của doanh nghiệp.  - Nội dung thông tin 3: Nội dung đề nghị  Lý do quy định: xác định rõ nội dung đề nghị cấp lại | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | | | | |
| TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không? | | | | | | Không  Có | |
| a) Yêu cầu, điều kiện:  Lý do quy định: | | | | | - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một TTHC khác  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước  - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện:  + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính)  Nêu rõ:……………………………………………………………………………………  + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế  Nêu rõ:………………………………………….………………………………………  + Hạn chế một số đối tượng  Nêu rõ: ………………………………………………………………………………..  + Khác  Nêu rõ: ………………………………………………………………………………..  - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản QPPL khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: | | |
| **11. Kết quả** | | | | | | | |
| - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: | | | - Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có  Không  + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể:…….… tháng/ năm.  + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: đã có quy định về điều kiện để duy trì hiệu lực của giấy phép.  - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc  Địa phương  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có  Không  Lý do: Các tiêu chí về điều kiện kinh doanh phải duy trì và đáp ứng.  - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có  Không  Lý do: | | | | |
| **12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?** | | | | | | | |
| a) Với văn bản của cơ quan cấp trên | | - Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …………. | | | | | |
| b) Với văn bản của cơ quan khác | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………... | | | | | |
| c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………... | | | | | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 14: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**  *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)* | | | | * Điều 70 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam; * Điều 27 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019//NĐ-CP ngày 15/1/2019. | | | |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA TỪNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC QUY ĐỊNH CHI TIẾT** | | | | | | | |
| 1. **Tên thủ tục hành chính** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………………...……………………………………… | | | |
| b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...……………………………………………… | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| d) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………………… | | | |
| e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | | | | Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do quy định: Thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện  - Căn cứ quy định:  + Được quy định mới tại dự án, dự thảo  + Đã được quy định tại văn bản khác   * Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: Điều 70 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam; Điều 27 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019//NĐ-CP ngày 15/1/2019.   - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………………………………..… | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | | | | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng | | | | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do:………………………………………………………………………………..…  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước,  cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Đây là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | | | | |
| a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;  b) Tài liệu giải trình tổ chức huấn luyện về việc đáp ứng yêu cầu tại Điều 25, Điều 26 của Nghị định này. | | | | - Lý do quy định: Quy định giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 25 ngày xuống còn 20 ngày, qua đó giảm thời gian và chi phí cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC.  - Yêu cầu, quy cách:  + Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận– theo mẫu;  + Báo cáo giải trình về giáo viên, cơ sở vật chất, chương trình giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện và hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý,… | | | |
| Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...............……………………………………… | | | |
| Số lượng bộ hồ sơ: 01 | | | | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* ………………………………………………… | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có  Không  Nếu Không, nêu rõ lý do:…………………………...................................................................................................  - Thời hạn: 20 ngày  *(Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết)*  Nêu rõ lý do: | | | | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có  Không  Nếu Không, nêu rõ lý do:…………………………..................................................................................................  - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Đây là chuyên ngành, lĩnh vực cần quản lý tập trung, thống nhất ở Trung ương, không phân cấp cấp dưới hoặc địa phương. | | | | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | | | | |
| a) Đối tượng thực hiện:  - Tổ chức, cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ:  b) Phạm vi áp dụng:  - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  Biên giới, hải đảo  c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 04 | | | | | | - Lý do quy định:  + Về đối tượng: Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không  + Về phạm vi: Toàn quốc  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có  Không  Nêu rõ lý do: Đây là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không?  - Phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: …………………………………  - Lệ phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: Phù hợp với việc quản lý và thực hiện các công tác khác liên quan (có kiểm tra thực tế) | | | | | | | - Mức phí, lệ phí:  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):  Cấp lần đầu: 20.000.000đ  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):  + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có  Không  Lý do: Phù hợp với việc quản lý và thực hiện các công tác khác liên quan (có kiểm tra thực tế)  - Mức phí, lệ phí được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản khác  (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: Biểu mức phí, lệ phí ban hành kèm Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính  (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: ………………….……………………… |
| b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không  Có  Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại:  - Dự thảo  - Văn bản khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: …….… | | | | | | | - Nội dung chi trả:  - Mức chi trả:  Mức chi trả này có phù hợp không: Có  Không  Lý do: ………………………………….……………………………………… |
| c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: Như mục 8 nêu trên | | | | | | | Mức chi phí này có phù hợp không: Có  Không  Lý do: Phù hợp với việc quản lý và thực hiện các công tác khác liên quan (có kiểm tra thực tế) |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | | | | |
| TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | | | | | | Có  Không  - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn  Tờ khai  - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………………………………………. | |
| Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép  Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do: ……………………………………………  - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không?  Có  Không  Nêu rõ lý do: | | | | | | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  - Nội dung nhóm thông tin 1: người đề nghị  Lý do quy định: xác định chủ thể đề nghị  - Nội dung thông tin 2: các thông tin về điều kiện kinh doanh (ngành, nghề; số vốn; người đại diện theo pháp luật).  Lý do quy định: xác định các thông tin chung về tình hình của doanh nghiệp.  - Nội dung thông tin 3: Tên sơ sở đào tạo đề nghị cấp  Lý do quy định: xác định rõ thông tin về cơ sở đề nghị cấp giấy chứng nhận (phạm vi, quy mô đào tạo huấn luyện) | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | | | | |
| TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không? | | | | | | Không  Có | |
| a) Yêu cầu, điều kiện:  Lý do quy định: | | | | | - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một TTHC khác  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước  - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện:  + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính)  Nêu rõ:……………………………………………………………………………………  + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế  Nêu rõ:………………………………………….………………………………………  + Hạn chế một số đối tượng  Nêu rõ: ………………………………………………………………………………..  + Khác  Nêu rõ: ………………………………………………………………………………..  - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản QPPL khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: | | |
| **11. Kết quả** | | | | | | | |
| - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: | | | - Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có  Không  + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể:…….… tháng/ năm.  + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: đã có quy định về điều kiện để duy trì hiệu lực của giấy phép.  - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc  Địa phương  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có  Không  Lý do: Các tiêu chí về điều kiện kinh doanh phải duy trì và đáp ứng.  - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có  Không  Lý do: | | | | |
| **12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?** | | | | | | | |
| a) Với văn bản của cơ quan cấp trên | | - Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …………. | | | | | |
| b) Với văn bản của cơ quan khác | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………... | | | | | |
| c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………... | | | | | |